

# Xây dựng tập đoàn tài chính - ngân hàng ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

PHẠM THỊ KHANH

## I. XÂY DỰNG TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG: MỘT TẮT YẾU TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

Ngày nay, "Các tập đoàn xuyên quốc gia tiếp tục cấu trúc lại, hình thành những tập đoàn khổng lồ, chi phối nhiều lĩnh vực kinh tế"<sup>1</sup>. Trong tiến trình phát triển các tập đoàn kinh tế nói chung, các tập đoàn tài chính - ngân hàng (TĐTC-NH) nói riêng càng trở nên quan trọng. Đặc biệt, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các TĐTC-NH hùng mạnh không chỉ đóng vai trò to lớn trong tăng trưởng, phát triển kinh tế, mà còn có ảnh hưởng sâu, rộng tới chiến lược kinh doanh, khuynh hướng sản xuất, thị hiếu tiêu dùng của toàn nhân loại. Do đó, phát triển TĐTC - NH mạnh là mục tiêu phấn đấu của nhiều nước trên thế giới.

Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam tiến hành cải tổ, đổi mới mạnh mẽ hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trong đó có các ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN). Và, mục tiêu của công cuộc đổi mới là không ngừng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của hệ thống NHTMNN trên thị trường trong nước và quốc tế; phục vụ đắc lực cho chủ trương đẩy nhanh CNH, HDH, phát triển nền kinh tế bền vững, góp phần đưa đất nước Việt Nam tiến lên văn minh, hiện đại. Vì vậy, xây dựng TĐTC-NH mạnh là một yêu cầu cấp bách của thực tiễn nền kinh tế Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, xây dựng và phát triển TĐTC - NH là công việc hết sức mới mẻ, hàm chứa

những khó khăn thách thức đối với một nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam. Bởi lẽ, TĐTC-NH hoạt động trong lĩnh vực trọng yếu nhất của nền kinh tế, là huyết mạch nuôi cơ thể sống - nền kinh tế quốc dân. Đây là lĩnh vực nhạy cảm và phản ứng nhanh với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là đối với các nền kinh tế tiến sâu vào hội nhập quốc tế. Bất cứ một sai lầm trong chiến lược kinh doanh của TĐTC-NH sẽ tổn thương trực tiếp, gây ra những hậu họa khôn lường, có khi làm đảo lộn hoặc đổ vỡ thành quả tích lũy trong nhiều thập kỷ của các nền kinh tế. Bởi vậy, nhận thức đúng đắn những yếu tố thuận lợi, hiểu thấu đáo những khó khăn trong quá trình xây dựng, phát triển TĐTC-NH ở Việt Nam có ý nghĩa sâu sắc trong việc hoạch định con đường và bước đi phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

## II. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG XÂY DỰNG TĐTC-NH Ở VIỆT NAM

### 1. Về những thuận lợi

*Thứ nhất, sự đổi mới sâu sắc trong tư duy kinh tế của Đảng, Nhà nước thúc đẩy việc xây dựng và phát triển tập đoàn tài chính - ngân hàng ở Việt Nam.*

Từ khi tiến hành sự nghiệp đổi mới (1986), Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương đổi mới toàn diện, sâu rộng nền kinh tế quốc dân, trong đó có hệ thống DNNN. Song, phải đến thập kỷ 90 (thế kỷ XX) ở Việt Nam mới mạnh mẽ xuất hiện chủ trương xây dựng tập

---

Phạm Thị Khanh, TS, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐHĐBTQ lần thứ IX, Nxb CTQG, H. 2001, tr. 157.

đoàn kinh tế. Bằng các quyết định: Quyết định 90/TTg-CP và Quyết định 91/TTg-CP của Thủ tướng Chính phủ, việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh tế đã được thực thi. Đó chính là bước khởi đầu cho sự ra đời, phát triển tập đoàn kinh tế nói chung, Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm nói riêng.

Trong quá trình vận động, phát triển của các Tổng công ty 90, Tổng công ty 91, kết hợp với những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế thế giới, Đảng ta nhận định: "Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp. Đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình... chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia"<sup>2</sup>. Muốn bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, Việt Nam phải chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, "Ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế, tham gia vào phân công lao động quốc tế"<sup>3</sup>.

Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 9 (khóa IX), Đảng ta chỉ rõ: "Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả của các tổng công ty nhà nước; tổng kết thí điểm việc chuyển các công ty mẹ - công ty con; tích cực chuẩn bị để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư nước ngoài"<sup>4</sup>.

Trong lĩnh vực tài chính: "Tạo lập môi trường tài chính lành mạnh, thông thoáng nhằm giải phóng và phát triển các nguồn lực tài chính, tiềm năng sản xuất của các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư"<sup>5</sup>. Đối với lĩnh vực ngân hàng: "Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Phân biệt chức năng của Ngân hàng Nhà nước và NHTMNN, chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại"<sup>6</sup>.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta tiếp tục chỉ đạo tiến một bước trong chủ trương xây dựng tập đoàn kinh tế:

"Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước mạnh, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực", trong đó có ngành chính, có nhiều chủ sở hữu, sở hữu nhà nước giữ vai trò chi phối<sup>7</sup>. Như vậy, quan điểm xuyên suốt, nhất quán và không ngừng hoàn thiện của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội, các hội nghị trung ương là phấn đấu xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh, đa ngành, đa lĩnh vực, có ngành chính và nhiều chủ sở hữu, trong đó, sở hữu nhà nước đóng vai trò chi phối. Tự duy kinh tế mới đó bắt nguồn từ sự vận động, phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ hai, thực tiễn vận động, phát triển của các tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con cũng như việc thí điểm hình thành tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm thời gian qua đã đem lại nhận thức rất quan trọng, có ý nghĩa thiết thực đối với việc hình thành, phát triển TĐTC-NH ở Việt Nam, đó là:*

+ Cần thiết phải xây dựng TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tránh thụ động, dẫn đến mất lợi thế của nước phát triển sau ở lĩnh vực này.

+ Không thể thiếu vắng vai trò chủ đạo của Nhà nước trong xây dựng TĐTC-NH ở Việt Nam. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rõ: xây dựng TĐTC-NH trước hết phải tuân thủ quy luật khách quan, vốn có của nền kinh tế thị trường và xuất phát từ yêu cầu nội tại của nền kinh tế. Không chủ quan, nóng vội, bất chấp quy luật kinh tế thị trường để hình thành TĐTC-NH bằng mọi giá. Sự thống nhất trong nhận thức về vị trí, vai trò của Nhà nước, của công ty mẹ và của các thành viên công ty là rất quan trọng. Nhà nước vừa đóng vai trò hoạch định đường

2, 3, 5, 6. ĐCSVN: Sđd, tr. 194; tr.198

4. ĐCSVN: Văn kiện Hội nghị lần thứ chín BCH TƯ (khóa IX), Nxb CTQG, H.2004, tr.81

7. ĐCCSVN: Văn kiện ĐHĐBTQ lần thứ X, Nxb CTQG, H. 2006, tr. 232.

lối, chiến lược xây dựng TĐTC-NH, vừa tạo lập môi trường kinh tế - chính trị - xã hội, môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng; phát huy tốt nhất vai trò, lợi thế của TĐTC-NH trong phát triển kinh tế và hội nhập. Công ty mẹ và các công ty thành viên không ngừng nâng cao tiềm lực kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ, phương thức quản lý, kinh doanh hiện đại, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh ở lĩnh vực ngân hàng.

+ Phải xây dựng cơ chế điều chỉnh riêng đối với TĐTC-NH một cách khoa học, đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả; vừa phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, vừa phù hợp với quy tắc chung của quốc tế.

Kinh nghiệm của nhiều nước châu Á, đặc biệt là Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy: xây dựng và phát triển các TĐTC-NH phụ thuộc vào nhiều nhân tố, đủ độ chín muồi và bằng nhiều con đường, nhiều phương thức khác nhau. TĐTC-NH có thể ra đời tất yếu, theo quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường, cũng có thể hình thành bằng sự tác động (lực đẩy) của Nhà nước đều dẫn đến thành công. Tuy nhiên, dù TĐTC-NH ra đời khi nào, ở đâu và bằng phương thức gì thì vấn đề cốt lõi, nền tảng của sự thành công bắt nguồn từ việc xây dựng môi trường thể chế đúng đắn, rõ ràng, hiệu lực và hiệu quả để vừa thúc đẩy, vừa định hướng con đường phát triển của tập đoàn; có một ban lãnh đạo hội đủ các phẩm chất kinh doanh chuyên nghiệp và hiện đại; tạo lập sản phẩm dịch vụ đa dạng, phong phú, có chất lượng cao nhưng vẫn có sản phẩm chính, đủ sức chi phối thị trường. Các thành viên hợp lực kinh doanh hiệu quả, vì mục tiêu lớn mạnh không ngừng của tập đoàn kinh tế.

*Thứ ba, sự trưởng thành từng bước của ngành ngân hàng là nhân tố bên trong thúc đẩy mạnh mẽ sự hình thành, phát triển TĐTC-NH.*

Thời gian qua, ngành ngân hàng đã thực hiện đổi mới, cấu trúc lại hệ thống theo hướng tinh gọn về tổ chức; tăng cường về

tiềm lực tài chính, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực; hoàn thiện cơ chế, chính sách quản trị và điều hành các dịch vụ ngân hàng. Sự đổi mới đó đã đem lại những kết quả quan trọng, nổi bật là:

- *Mạng lưới tổ chức tín dụng lớn mạnh không ngừng.* Toàn hệ thống ngân hàng ở Việt Nam có: 5 ngân hàng thương mại; 1 ngân hàng chính sách xã hội; 25 ngân hàng thương mại cổ phần đô thị; 11 ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn; 27 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 4 ngân hàng liên doanh; 44 văn phòng đại diện tài chính, tín dụng nước ngoài Việt Nam; 5 công ty tài chính; 9 công ty cho thuê tài chính và 905 quỹ tín dụng nhân dân.

Với mạng lưới rộng lớn, ngân hàng đã góp mặt ở 100% số huyện, thị trong cả nước, bình quân 4 xã có một chi nhánh ngân hàng. Như vậy, phát triển thị phần, thị trường trong nước là một điểm mạnh nổi trội của ngành ngân hàng.

- *Các loại hình sở hữu ngân hàng từng bước được đa dạng hóa.* Hiện nay trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, không chỉ có loại hình NHTMNN, mà xuất hiện khá nhiều loại hình sở hữu khác, như ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần thành thị và NHTM nông thôn, ngân hàng liên doanh... Đặc biệt, sự xuất hiện của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; các văn phòng đại diện tài chính, tín dụng nước ngoài tại Việt Nam, chứng tỏ chủ trương đa dạng hóa loại hình sở hữu ngân hàng của Đảng, Nhà nước ta đã và đang được thực thi, và đó cũng là một minh chứng thể hiện sự cam kết của Chính phủ trong quá trình tự do hóa dịch vụ ngân hàng. Sự đa dạng hóa về sở hữu và tự do hóa trong ngành ngân hàng chính là điều kiện cần để xây dựng TĐTC-NH ở Việt Nam.

- *Thực hiện tách bạch hoạt động tín dụng cho vay theo chính sách với hoạt động kinh doanh tín dụng thương mại.*

Đây là một bước tiến trong cải cách ngân hàng của Việt Nam. Việc tách các khoản cho vay chính sách ra khỏi các khoản cho vay

thương mại đã thúc đẩy các NHTM, đặc biệt là NHTMNN hoạt động trong điều kiện cạnh tranh theo quy luật của nền kinh tế thị trường. Để xây dựng TĐTC-NH mạnh, các NHTM không thể hoạt động theo mục tiêu công ích, mà phải hướng tới mục tiêu cao nhất đó là lợi nhuận. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam không ngừng nâng cao tiềm lực tài chính, tiềm lực khoa học - công nghệ ngân hàng, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động kinh doanh ngân hàng. Nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng đó chính là những nhân tố cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển TĐTC-NH ở Việt Nam.

*Thứ tư, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy sự hình thành và phát triển TĐTC-NH.*

Thực tế, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ tạo ra những yếu tố thuận lợi về phát triển thị trường; sự di chuyển rộng rãi của các luồng vốn, công nghệ, lao động chất lượng cao... mà còn tạo ra sức ép lớn cho các nước muốn xây dựng TĐTC-NH khi hội nhập. Và, chính sức ép từ hội nhập buộc các quốc gia phải đổi mới, cải tổ để nâng cao không ngừng quy mô, trình độ phát triển cũng như sức cạnh tranh của ngành tài chính - ngân hàng, đồng thời tìm và hiểu thấu đáo luật chơi chung của quốc tế về lĩnh vực này... Chính yêu cầu, sức ép đó góp phần tích cực thúc đẩy việc chuẩn bị các yếu tố và điều kiện một cách chủ động, sáng tạo cho sự hình thành và phát triển TĐTC-NH ở Việt Nam.

### 2. Về những khó khăn

*Thứ nhất; nhận thức của các cấp, các ngành về việc xây dựng TĐTC-NH chưa thật sự thống nhất và thấu đáo.*

- Hiện nay, vấn đề xây dựng TĐTC-NH ở nước ta đang tồn tại những ý kiến khác nhau, tựu trung lại có hai nhóm sau:

+ *Nhóm ý kiến thứ nhất cho rằng*, không nên xây dựng TĐTC-NH ở thời điểm hiện nay, bởi vì chưa hội tụ đầy đủ các yếu tố, điều kiện cấu thành cho sự ra đời và phát

triển của TĐTC-NH. Trong đó, quan trọng nhất là cơ chế quản lý lĩnh vực ngân hàng chưa chuyển hẳn sang cơ chế kinh tế thị trường mà còn nặng tính mệnh lệnh, hành chính và bao cấp. Tiềm lực tài chính của các NHTM chưa mạnh; sản phẩm dịch vụ còn đơn điệu, nghèo nàn và chưa có thương hiệu; loại hình sở hữu ngân hàng mới bước đầu được đa dạng hóa và chưa phát triển theo chiều sâu. Môi trường, thể chế phục vụ các hoạt động của tập đoàn kinh tế chưa hoàn thiện, chất lượng thấp, không phù hợp với thông lệ quốc tế... Hơn thế, việc thành lập ồ ạt, mang tính phong trào và mệnh lệnh hành chính các Tổng công ty 90, Tổng công ty 91 thời gian qua đã và đang lộ dần những bất cập về phương thức quản trị và điều hành tập đoàn kinh tế, nhất là quản trị và điều hành mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con; hiệu quả kinh tế chưa đạt được mục tiêu như mong đợi. Chính vì vậy, không nên thành lập vội các tập đoàn kinh tế mới, đặc biệt là TĐTC-NH, mà cần phải thận trọng tổng kết, đúc rút bài học kinh nghiệm (từ các tập đoàn kinh tế đã thành lập) chuẩn bị cho sự ra đời của TĐTC-NH trong tương lai.

Đặc biệt, tài chính ngân hàng là lĩnh vực quan trọng và rất nhạy cảm với nền kinh tế đang trong quá trình hội nhập. Nếu phạm phải sai lầm trong xây dựng, phát triển TĐTC-NH thì hậu quả của nó ảnh hưởng tiêu cực gấp nhiều lần so với lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Do đó, hiện nay ở Việt Nam cần tránh khuynh hướng "hội chứng tập đoàn kinh tế", tránh tình trạng hình thành TĐTC-NH thông qua mệnh lệnh hành chính, theo kiểu cộng dồn các NHTM với nhau bằng mọi giá.

+ *Nhóm ý kiến thứ hai cho rằng*, hiện nay cần phải thành lập TĐTC-NH. Bởi vì, một mặt, ngành ngân hàng đã có bước phát triển khá trong những năm gần đây cả về tiềm lực tài chính, thị phần - thị trường, công nghệ, nhân lực, dịch vụ tín dụng - ngân hàng, loại hình sở hữu... Đây là tiền đề, điều kiện tốt để tổ chức lại ngành ngân hàng

theo mô hình kinh tế mới, hiện đại và hiệu quả cao. *Mặt khác*, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu (không thể cưỡng lại); hàm chứa nhiều cam go, thách thức đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung, ngành tài chính - ngân hàng nói riêng. Theo lộ trình cam kết thực hiện điều kiện của các hiệp định thương mại: Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN (AFAS); Hiệp định thương mại Việt - Mỹ; Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATTs) của WTO từ nay đến năm 2010, Việt Nam phải mở cửa thị trường dịch vụ tài chính - ngân hàng. Do đó, dù muốn hay không thì các TĐTC-NH mạnh ở các công ty xuyên quốc gia, các nền kinh tế phát triển đương nhiên hoạt động trên thị trường Việt Nam. Vì thế, phải coi tự do hóa lĩnh vực tài chính - ngân hàng là một cuộc chiến tranh kinh tế chính nghĩa, không có tiếng súng. Đất nước, con người Việt Nam cần huy động tổng lực để chiến thắng trong cuộc chiến này.

Lịch sử đã chứng minh, trong khó khăn, thử thách con người Việt Nam càng sáng tạo và tìm được con đường đi cho chính mình. *Điển hình của sức sáng tạo trong hành động và tư duy kinh tế dẫn đến thắng lợi rực rỡ chính là việc xử lý thành công vấn đề giá - lương - tiền* ngay từ khởi đầu công cuộc đổi mới đầy chông gai ở thế kỷ XX. Sự thành công đó đã đưa con thuyền kinh tế Việt Nam vượt qua cơn khủng hoảng kinh tế triền miên trong nhiều thập kỷ, từng bước tiến lên. Bởi thế, hôm nay dù còn nhiều khó khăn và trở ngại trên con đường phát triển đất nước nói chung, xây dựng TĐTC-NH nói riêng, nhưng nếu quyết tâm cao kết hợp với sức sáng tạo của tư duy, đúng đắn trong hành động vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh thì công việc đó chắc sẽ thành công.

- Nhận thức về vấn đề xây dựng TĐTC-NH chưa thật thấu đáo. Điều này thể hiện ở chỗ, đến nay việc xác định con đường, cách thức và bước đi để thành lập TĐTC-NH ở nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế vẫn còn nhiều lúng túng. Vấn đề đặt

ra là bằng con đường nào? Với cách thức tiến hành ra sao? Lộ trình như thế nào? v.v... để xây dựng và phát triển TĐTC-NH Việt Nam có hiệu quả, tránh được những tổn thất ít nhất cả về kinh tế cũng như giải quyết các vấn đề xã hội ngay cả ở thời điểm căn cơ cấu lại ngành ngân hàng.

*Thứ hai, những bất cập trong nội tại ngành ngân hàng là rào cản lớn nhất trong xây dựng TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam.*

\* *Quá trình đổi mới, cơ cấu và cổ phần hóa các NHTMNN diễn ra quá chậm chạp.* Điều đó đã hạn chế chủ trương thực hiện đa sở hữu ngành, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Về thực chất, các NHTMNN vẫn chi phối hầu hết các dịch vụ trên thị trường tiền tệ. Bởi vậy, tính cạnh tranh trên thị trường tín dụng chưa cao, hạn chế hiệu quả kinh tế.

\* *Hệ thống ngân hàng, nhất là NHTMNN hoạt động trong tình trạng kém phát triển, thể hiện rõ ở một số điểm sau:*

- *Tiềm lực tài chính của toàn hệ thống ngân hàng không mạnh:*

+ *Tổng vốn của NHTMNN chỉ khoảng 15.500 tỷ đồng, tương đương với 1 tỷ USD, bình quân 3.100 tỷ đồng ngân hàng.* Hiện nay, NHTMNN có tổng vốn lớn nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHN<sub>o</sub>&PTNT) chỉ khoảng 6.000 tỷ đồng, tương đương 400 triệu USD.

+ *Tổng tài sản của hệ thống ngân hàng trên GDP chỉ khoảng 70%, thấp thua xa so với Thái Lan (145,8%), Malaixia (193,5%) và chỉ bằng 1/3 của Trung Quốc (211,1%).*

+ *Tổng vốn tự có của hệ thống ngân hàng chỉ trên 1 tỷ USD.* Trong đó, NHN<sub>o</sub>& PTNT có số vốn tự có lớn nhất cũng chỉ khoảng 290 triệu USD. Nếu so với các nước trong khu vực, ngay cả những nước đã từng trải qua cơn lốc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997, thì số vốn tự có của hệ thống ngân hàng Việt Nam quá nhỏ bé. Chẳng hạn: Tập đoàn Ngân hàng Thượng Hải - Hồng Công (HSBC) có tổng số vốn tự có 25,78

tỷ USD; City Bank (Mỹ) - Chi nhánh châu Á: 21 tỷ USD; Ngân hàng Công thương Malaixia (Public Bank): 964 triệu USD; mức vốn tự có trung bình của các ngân hàng Thái Lan khoảng 813 triệu USD.

Như vậy, tiềm lực tài chính của hệ thống ngân hàng, nhất là NHTMNN không mạnh là một bất lợi trong quá trình thành lập TĐTC-NH ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Hiệu quả kinh doanh của hệ thống ngân hàng chưa cao:*

+ *Khả năng sinh lời thấp: tỷ lệ lãi ròng sau thuế trên tổng tài sản (ROA- Return on Assets) bình quân chỉ đạt 0,65%. Trong khi*

đó, tỷ lệ ROA của các nước châu Á - Thái Bình Dương là 0,94%; của các nước Đông Nam Á là 0,77%. Nếu so với hệ số ROA trung bình của Việt Nam với hệ số ROA thế giới, ở Việt Nam chỉ đạt 88%. *Tỷ lệ sinh lời bình quân trên vốn tự có (ROE- Return on Equity) của các NHTM Việt Nam chỉ đạt 6,54% so với chuẩn quốc tế (trung bình từ 12 - 15%).*

+ *Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng còn lớn:*

*Tỷ lệ nợ xấu (nợ quá hạn thông thường, nợ khó đòi trong hoặc đã quá hạn, nợ chờ xử lý, nợ khoanh do được phép của Chính phủ) chiếm tỷ trọng còn cao.*

**BẢNG 1: Tổng nợ khó đòi và tỷ lệ nợ khó đòi trên tổng dư nợ của NHTMNN, giai đoạn 2000 - 2005**

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	215914	238537	266501	300867	337200	378953
Tổng dư nợ (Tỷ đồng)	131677	152252	176942	206569	239315	278189
Tổng nợ khó đòi (Tỷ đồng)	38938	41532	44645	48380	52528	57582
Tổng nợ khó đòi / tổng dư nợ (%)	29,57	27,28	25,23	23,42	21,95	20,70

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, H. 2006.

Như vậy, tỷ lệ khó đòi của các NHTMNN tăng lên nhanh: tăng từ 38,938 tỷ đồng năm 2000 lên 57,582 tỷ đồng năm 2005, chiếm 20,7% tổng dư nợ. Nếu đi sâu xem xét nợ quá hạn trong toàn hệ thống và theo tiêu chuẩn quốc tế, các NHTM đều có mức dư nợ quá hạn lớn hơn giới hạn cho phép trên dưới 2 lần. Đây là một trong những nhân tố có tác động tiêu cực đến việc nâng cao tiềm lực tài chính của ngân hàng - điều kiện cần để xây dựng TĐTC-NH mạnh.

Bên cạnh đó, hầu hết NHTM, nhất là NHTMNN đã dùng vốn ngắn hạn với tỷ trọng lớn (40 - 50%) để cho vay tín dụng trung và dài hạn, vượt quá giới hạn an toàn cho phép từ 10 - 20%, càng làm tăng mức độ rủi ro của ngân hàng.

Mức độ an toàn vốn chưa cao thể hiện ở hệ số an toàn vốn (CAR - Capital Adequacy

Ratio). Theo chuẩn mực quốc tế, hệ số này ở mức tối thiểu là 8%. Trong khi đó, CAR của hệ thống NHTM Việt Nam chỉ đạt 4,5%, gần bằng 1/3 CAR của các nước châu Á - Thái Bình Dương (13,3%) và của các nước Đông Nam Á (Thái Lan, Malaixia, Phillipin) là 12,3%. Theo các chuyên gia kinh tế, để đạt hệ số an toàn vốn (8%) vào năm 2010 thì 5 NHTMNN phải có lượng vốn tăng thêm từ 65 - 75 nghìn tỷ đồng. Đó là mục tiêu khó đạt được. Mặc dù những năm qua, hệ thống NHTM đã không ngừng tăng vốn điều lệ, nhưng quy mô vốn vẫn nhỏ bé. Đối với các NHTMNN, ngành ngân hàng phối hợp với Bộ Tài chính đã gia tăng vốn bằng trái phiếu chuyển nhượng, nhưng trên thực tế, đó chỉ là vốn danh nghĩa, khó có thể bổ sung vốn để nâng hệ số an toàn cho các NHTMNN trong một thời gian ngắn.

- *Năng lực quản lý, trình độ khoa học - công nghệ, đội ngũ cán bộ phục vụ hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng còn nhiều hạn chế:*

+ *Về cơ chế quản lý:* mặc dù đã có Luật điều chỉnh các hoạt động của ngân hàng nhưng chất lượng của các văn bản luật chưa cao; mang đậm dấu ấn của cơ chế mệnh lệnh hành chính và xin cho, thể hiện rõ nhất trong cơ chế cung tiền. Cơ chế cung tiền của Ngân hàng Trung ương chưa đảm bảo tính chủ động hoàn toàn theo yêu cầu phát triển tất yếu của nền kinh tế thị trường, mà còn phụ thuộc vào chủ trương của Quốc hội (hàng năm) và các khoản chi theo chỉ định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng trong hệ thống, nhất là các NHTMNN chưa công khai, minh bạch hóa các thông tin về tài chính, tuân thủ các quy định của báo cáo tài chính, kiểm toán độc lập theo tiêu chuẩn quốc tế. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh trong toàn hệ thống còn yếu và thiếu sự phối kết hợp nhịp nhàng, có tính liên ngành giữa Thanh tra NHTM với Thanh tra quỹ tín dụng nhân dân, Thanh tra tài

chính, Thanh tra chứng khoán, Thanh tra bảo hiểm... đã gây nên sự chồng chéo, phiền diện trong nội dung thanh tra, lãng phí thời gian và làm tăng chi phí trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, cũng như hoạt động kinh doanh của các ngân hàng.

+ *Về trình độ công nghệ:* công nghệ phục vụ hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng được đổi mới rất mạnh mẽ so với thời kỳ thực hiện cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp; ứng dụng nhiều công nghệ mới vào phục vụ các dịch vụ ngân hàng. Tuy nhiên, chỉ số công nghệ của hệ thống ngân hàng Việt Nam chỉ đạt: 0,47, thấp hơn các nước trong khu vực như: Trung Quốc: 0,35; Thái Lan: 0,07; Malaixia: 1,08 và Singapore: 1,95. Năng lực công nghệ thấp dẫn đến khả năng liên kết, hợp tác, phát triển để nâng cao hiệu quả kinh doanh còn yếu; chưa hỗ trợ tốt, phản ứng nhanh, nhạy với các môi quan hệ kinh tế đang dần đi vào chiều sâu của quá trình hội nhập trong lĩnh vực ngân hàng.

+ *Về đội ngũ cán bộ công chức:* trong những năm gần đây, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức của ngành ngân hàng từng bước được nâng lên.

**BẢNG 2 : Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước**

Trình độ	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng		Dưới cao đẳng	
	Tổng số	%	Tổng số	%	Tổng số	%	Tổng số	%	Tổng số	%
Hội sở chính	32	2,3	2009	15,2	64,0	466	70	5,1	421	30,6
Chi nhánh	8	0,29	35	1,05	1461	43,8	522	15,6	1308	39,2

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ, Ngân hàng Nhà nước, 2004.

Như vậy, xem xét một cách tổng thể, trình độ chuyên môn của cán bộ công chức ngân hàng Hội sở chính có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ là cao hơn hẳn so với ở chi nhánh. Số cán bộ có trình độ cao đẳng và dưới cao đẳng tập trung ở các chi nhánh. Điều đó là phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của các cán bộ thuộc các trụ sở. Tuy nhiên, nếu tiêu chuẩn hóa các chức danh, nhiệm vụ của cán bộ để đáp ứng yêu cầu hội nhập, đặc biệt là xây dựng TĐTC

-NH mạnh vẫn còn nhiều bất cập. Các cán bộ công chức được tuyển dụng vào làm việc thường chỉ có một chuyên môn sâu, chủ yếu là chuyên ngành tài chính - tiền tệ. Trong khi đó, nền kinh tế càng tiến sâu vào hội nhập lại càng đòi hỏi có một đội ngũ cán bộ, công chức có kiến thức liên ngành tốt như: Luật kinh tế; Kinh tế học; Kinh tế công cộng; Tài chính công; ngoại ngữ... mới đáp ứng được yêu cầu cao của công việc. Đó là chưa kể

tối lệ lối, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ công chức chưa thật tốt, vẫn tiềm ẩn rủi ro trong đạo đức nghề nghiệp của họ.

Những bất cập nội tại chủ yếu trên đây của ngành ngân hàng đã tác động tiêu cực tới sự hình thành, phát triển TĐTC-NH trong thời gian tới.

*Thứ ba, nền tảng để xây dựng thể chế cho sự hình thành TĐTC-NH còn yếu kém.*

Cơ chế điều hành tập đoàn kinh tế (đang thử nghiệm) theo mô hình công ty mẹ - công ty con nói chung, Tập đoàn Tài Chính - Bảo hiểm nói riêng mang nặng dấu ấn của thời bao cấp mệnh lệnh, hành chính mà chưa chuyển hẳn sang cơ chế kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền. Nghĩa là, mọi hoạt động của TĐTC-NH đều phải tuân thủ luật pháp. Thực tế, công ty mẹ điều hành công ty con theo phương thức cũ - hành chính hóa dẫn đến tình trạng vừa can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của công ty con, vừa chưa làm đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của công ty mẹ là hỗ trợ đủ mạnh về vốn, công nghệ, cán bộ, thương hiệu, thị trường... Công ty con ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của công ty mẹ, thiếu quyết đoán và độc lập trong hoạt động kinh doanh của mình. Ngoài ra, việc chậm trễ ban hành những văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế quản trị - điều hành tập đoàn kinh tế có tác động tiêu cực tới việc xây dựng của TĐTC-NH. Trong khi đó, xu hướng toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng, có tác động mạnh tới các công ty xuyên quốc gia, thúc đẩy các tập đoàn kinh tế ngày càng hội nhập sâu, rộng, đa dạng với thế giới. Phương cách điều hành - quản trị tập đoàn hiện tại không thể phù hợp và đạt hiệu quả cao nếu chuyển sang áp dụng cho TĐTC-NH được thành lập trong tương lai. Nhất là hiện nay vẫn tồn tại quy định bổ nhiệm tổng giám đốc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ mà không phải do hội đồng quản trị bổ nhiệm. Cơ chế đó sẽ không thể nâng cao quyền lực của hội đồng quản trị đối với tổng giám đốc nói riêng, cơ quan điều hành

tổng công ty nói chung, để phát sinh tiêu cực trong mối quan hệ cá nhân chủ tịch hội đồng quản trị với tổng giám đốc, dễ dàng quay trở lại cơ chế kinh tế cũ.

Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách, đặc biệt là những quy định pháp lý liên quan đến hoạt động của ngân hàng còn thiếu, không đồng bộ và chưa theo thông lệ quốc tế cũng ảnh hưởng rất tiêu cực tới sự hình thành của TĐTC-NH.

*Thứ tư, hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là DNNN kém hiệu quả, có ảnh hưởng tiêu cực tới sự hình thành TĐTC-NH.*

Thực tế quá trình đổi mới, sắp xếp lại và cổ phần hóa DNNN ở nước ta diễn ra quá chậm chạp. Đặc biệt, cổ phần hóa DNNN chưa hoàn thành mục tiêu Chính phủ đặt ra, vừa cản trở việc đa dạng hóa sở hữu DNNN, vừa hạn chế hiệu quả kinh doanh của loại hình doanh nghiệp này; trong khi hệ thống DNNN lại là khách hàng chủ lực, chiếm trên 40% tỷ trọng cho vay của hệ thống NHTMNN. Hiện trạng kinh doanh kém hiệu quả của DNNN là mầm mống dẫn đến rủi ro, không trả được nợ ngân hàng, làm tăng nhanh tỷ lệ nợ xấu ở các NHTMNN, ảnh hưởng tiêu cực tới tính bền vững trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như việc hình thành TĐTC-NH ở Việt Nam.

*Thứ năm, chưa hình thành được môi quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa Chính phủ, ngành ngân hàng với các bộ, ngành có liên quan trong việc thực hiện chủ trương xây dựng tập đoàn kinh tế nói chung, TĐTC-NH mạnh nói riêng.*

Qua thực tiễn hoạt động thí điểm một số tập đoàn kinh tế ở Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại và ngay cả Tập đoàn Bảo hiểm Việt Nam có thể nhận thấy rất rõ: mặc dù Chính phủ có chủ trương đúng đắn về xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh, trong đó có một số ngành chính ở Việt Nam, nhưng công tác tổ chức thực hiện thí điểm chưa tốt. Các tập đoàn kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp, xây



dụng, thương mại hoạt động vẫn chủ yếu mang tính độc lập từng ngành; khả năng gắn kết chặt chẽ với các bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp,... nên chưa huy động được sức mạnh tổng hợp để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh ở nước ta trong điều kiện hội nhập quốc tế. Đây cũng là một bài học kinh nghiệm trong xây dựng TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam.

### III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN NHẪM ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

#### 1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về vấn đề xây dựng TĐTC-NH ở Việt Nam

Trên thực tế, ở nước ta đang tồn tại những ý kiến khác nhau về việc nên hay không nên xây dựng TĐTC-NH ở thời điểm hiện nay. Do đó, cần thống nhất và nâng cao nhận thức đối với tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là đối với các bộ, ngành có liên quan trực tiếp cần phải xây dựng TĐTC-NH. Bởi vì các tập đoàn kinh tế nói chung, TĐTC-NH nói riêng chính là động lực của sự phát triển nền kinh tế quốc dân trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế (cạnh tranh để hội nhập, hội nhập để cạnh tranh phát triển). Nếu như các tập đoàn kinh tế là "động mạch chủ" để truyền dẫn dưỡng khí nuôi cơ thể sống là nền kinh tế quốc dân thì TĐTC-NH chính là "trái tim" của nền kinh tế đó. Một trái tim trẻ, khoẻ mạnh là điều kiện cần và có thể đảm bảo cho sự lớn mạnh không ngừng của nền kinh tế và ngược lại.

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng tiến sâu, rộng vào quá trình hội nhập, việc thành lập cho được TĐTC-NH mạnh, hiện đại ở Việt Nam sẽ là giải pháp hữu hiệu để bảo vệ hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân; chống lại sự xâm nhập và cạnh tranh quyết liệt của các TĐTC-NH nước ngoài khi được phép tự do hoạt động trên thị trường Việt Nam, theo lộ trình tự do hóa thương mại - dịch vụ mà Việt Nam đã ký kết. Chủ động xây dựng TĐTC-NH mạnh cũng

chính là chủ động hội nhập trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Từ sự chủ động đó sẽ đẩy mạnh sức sáng tạo trong tư duy, đúng đắn trong hành động, đảm bảo xây dựng thành công TĐTC-NH.

Tuy nhiên, cần quán triệt sâu sắc rằng, việc nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành về việc xây dựng TĐTC-NH không chỉ dừng lại ở chỗ thống nhất được vị trí, vai trò, sự cần thiết phải thành lập TĐTC-NH mà quan trọng hơn, đó là trang bị một hệ thống tri thức hiện đại về vấn đề này, phục vụ cho xây dựng thành công TĐTC-NH.

#### 2. Xác định rõ con đường thành lập, mô hình tổ chức quản lý, lộ trình thực hiện để đảm bảo xây dựng TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam

##### \* Về con đường thành lập:

Xác định con đường thành lập TĐTC-NH cho phù hợp với một nền kinh tế chuyển đổi, rất đặc thù gắn với hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam là công việc hết sức khó khăn và phức tạp. Bởi vì, về bản chất, tập đoàn kinh tế nói chung, TĐTC-NH nói riêng ra đời trên nền tảng tất yếu kinh tế (do nhu cầu tự thân): khi lực lượng sản xuất phát triển ở trình độ cao, cần phải có quan hệ sản xuất phù hợp để quản lý và điều hành. Ở các nước phát triển, các công ty, tổng công ty, các TĐTC-NH có khát vọng liên doanh, sáp nhập, hợp nhất, mua lại... nhằm nâng cao sức cạnh tranh của ngành. Việc làm đó, thực chất là để tiếp tục bành trướng, nâng cao uy tín của thương hiệu... tìm kiếm lợi nhuận và siêu lợi nhuận từ lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trái lại, ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam, con đường thành lập TĐTC-NH mang tính đặc thù, khác với phương thức hình thành TĐTC-NH của các nước phát triển. Việc thành lập TĐTC-NH ở nước ta nhất thiết phải có sự tác động của "bàn tay hữu hình" Nhà nước.

Kinh nghiệm thế giới chỉ ra rằng: hội nhập trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng, đặc biệt là thành lập TĐTC-NH thường diễn ra sau (đi sau một bước) so với lĩnh vực sản

xuất công nghiệp, thương mại. Chẳng hạn, lịch sử hình thành các tập đoàn kinh tế ở Mỹ bắt đầu từ lĩnh vực sản xuất công nghiệp - thương mại - nghiên cứu khoa học và công nghệ - vận tải - bảo hiểm, ngân hàng. Ở Nhật Bản khác một chút, xây dựng tập đoàn kinh tế bắt đầu từ lĩnh vực thương mại - nghiên cứu và ứng dụng - sản xuất công nghiệp - tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Tất nhiên, quá trình hình thành đó không cứng nhắc và chỉ phát triển riêng từng loại sản phẩm ở một tập đoàn mà mỗi tập đoàn luôn có sự đa dạng hóa ngành, lĩnh vực; đa dạng hóa sở hữu và sản phẩm sản xuất - kinh doanh. Tuy nhiên, điều dễ nhận thấy ở cả hai cường quốc Mỹ và Nhật Bản là các TĐTC-NH đều ra đời muộn hơn so với các lĩnh vực khác. Có lẽ, đó là lĩnh vực nhạy cảm, hết sức quan trọng, có liên quan tới toàn bộ nền kinh tế quốc dân nên phải có lộ trình, bước đi thích hợp, trên cơ sở rút kinh nghiệm từ việc thành lập, phát triển của các tập đoàn kinh tế thuộc lĩnh vực khác.

Ở nước ta, trên thực tế việc thành lập (thử nghiệm) các tập đoàn kinh tế thời gian qua cũng bắt đầu từ lĩnh vực thương mại - sản xuất công nghiệp, rồi tiến tới lĩnh vực dịch vụ, trong đó có dịch vụ tài chính - bảo hiểm. Là một quốc gia đi sau, việc thành lập TĐTC-NH trước mắt còn nhiều chông gai và thách thức, do đó nhất thiết phải xác định đúng con đường để đi đến thành công.

Căn cứ vào tiềm lực kinh tế hiện có của đất nước; lịch sử hình thành, phát triển và hiệu quả kinh doanh của ngành tài chính - ngân hàng; xu thế chung của thế giới trong phát triển, việc thành lập TĐTC-NH ở Việt Nam có thể diễn ra theo 3 phương án:

- *Phương án 1:* thành lập TĐTC-NH với tư cách là tổ hợp công ty mẹ - công ty con trên cơ sở một NHTM hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tiềm lực tài chính công nghệ, nhân lực mạnh.

Phương án này đòi hỏi, *một mặt*, bản thân NHTM phải không ngừng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh có hiệu quả, mở rộng thị phần, thị trường, nâng cao uy tín thương

hiệu; nâng cao tiềm lực về tài chính, khoa học - công nghệ phục vụ hoạt động kinh doanh. *Mặt khác*, Nhà nước phải có phương án hỗ trợ một lượng vốn đủ sức tạo lập một thương hiệu mạnh trong TĐTC-NH.

*Ưu điểm:*

- Có thể thành lập TĐTC-NH nhanh chóng về mặt thời gian và tổ chức bộ máy.
- Công nghệ hiện đại được trang bị mới.
- Tuyển dụng được nhân lực có chất lượng theo yêu cầu.
- Thực hiện được mục tiêu, định hướng của Chính phủ.

*Hạn chế:*

• TĐTC-NH mới thành lập dễ ỷ lại vào Nhà nước, thiếu tính tích cực, chủ động trong hoạt động kinh doanh.

- Khả năng đa dạng hóa loại hình sở hữu và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ bị hạn chế.
- Số lượng thành viên khi mới thành lập ít.

- *Phương án 2:* thành lập TĐTC-NH từ việc hợp nhất, sáp nhập các NHTM hoạt động kinh doanh tốt.

Đây là phương án khả thi trong việc thành lập TĐTC-NH ở Việt Nam. Bởi vì trên thực tế, công cuộc cải cách, cơ cấu lại và cổ phần hóa hệ thống ngân hàng nói chung, NHTM nói riêng đang được đẩy mạnh.

*Ưu điểm:*

- Hệ thống tổ chức được chuyển đổi sang mô hình kinh tế mới năng động, tạo sức bật để phát triển.
- Sẵn có thị phần, thị trường và thương hiệu.
- Khả năng đa dạng hóa loại hình sở hữu ngân hàng tốt.

• Số lượng thành viên (trong tập đoàn khi thành lập) có thể lớn.

*Hạn chế:*

• Kéo dài thời gian thành lập do thời gian cải cách, sắp xếp, cổ phần hóa NHTMNN diễn ra chậm chạp.

• Đội ngũ cán bộ bị già hóa, chất lượng lao động mang tính đại trà, bảo thủ và khó tiếp cận nhanh với mô hình kinh tế mới.

• Phải chấp nhận đau đớn cần thiết khi tiến hành cải tổ hệ thống NHTM để chuyển sang mô hình kinh doanh TĐTC-NH mạnh.

• Năng lực tài chính thấp, vẫn cần có sự hỗ trợ của Chính phủ.

• Dễ diễn ra tình trạng "bình mới" "rượu cũ" trong việc chuyển đổi các NHTM thành TĐTC-NH, nhất là cơ chế quản trị và điều hành theo lối mòn dẫn đến "hội chứng" TĐTC-NH.

- *Phương án 3:* thành lập TĐTC-NH mạnh trên cơ sở hợp nhất các NHTM, Công ty Bảo hiểm, Công ty Tài chính, Công ty chứng khoán.

Đây cũng là phương án khả thi, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của các tập đoàn kinh tế trên thế giới trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

**Ưu điểm:**

- Dễ dàng đa dạng hóa được loại hình sở hữu ngân hàng.
- Đa dạng hóa được các sản phẩm dịch vụ.
- Có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ, nhân lực.
- Sẵn có thị phần, thị trường, thương hiệu.
- Số lượng công ty thành viên lớn ngay từ khi thành lập.

**Hạn chế:**

• Dễ nảy sinh cục bộ ngành, lĩnh vực.

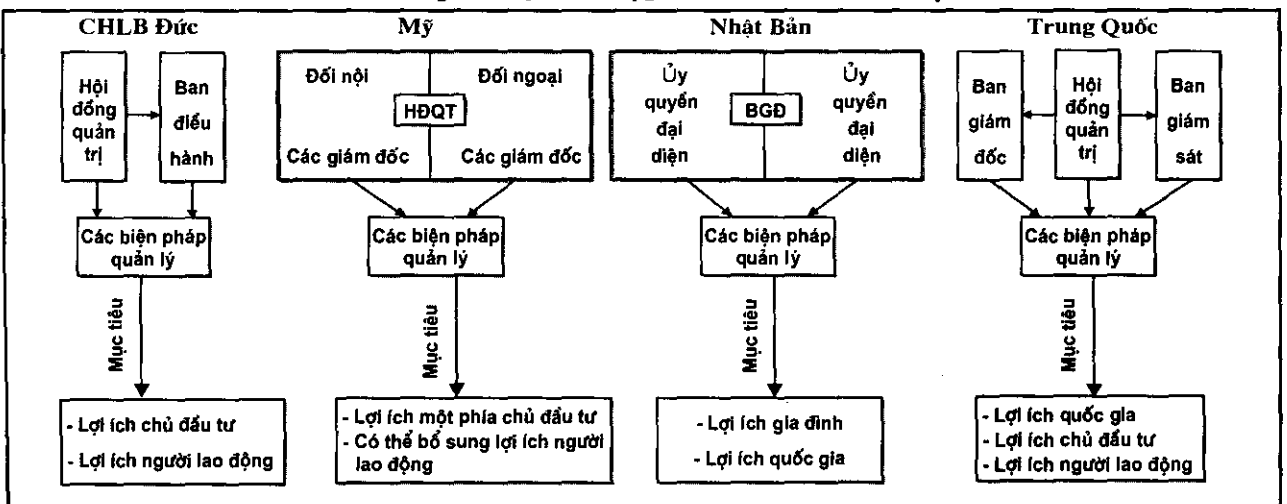
• Yêu cầu hệ thống quy phạm pháp luật có chất lượng rất cao trong khi Việt Nam chưa thể xây dựng được một sớm một chiều.

Như vậy, sẽ có 3 phương án ứng dụng để xây dựng TĐTC-NH ở Việt Nam. Mỗi phương án có những ưu điểm và hạn chế riêng. Tuy nhiên, theo chúng tôi, phương án 2 và 3 là các phương án có tính khả thi. Dù sử dụng phương án nào thì quá trình hình thành, phát triển của TĐTC-NH cũng phải trải qua 5 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị để thành lập, giai đoạn trở thành tập đoàn, giai đoạn củng cố và bành trướng, giai đoạn thích nghi, giai đoạn hội nhập trên phạm vi toàn cầu. Do đó, nắm vững mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của từng giai đoạn là điều kiện cần - và điều kiện đủ là tổ chức thực hiện tốt mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ đó, đảm bảo sự thành công của TĐTC-NH trong tương lai.

**\* Về mô hình tổ chức quản lý TĐTC-NH:**

Trên thế giới có nhiều mô hình tổ chức quản lý tập đoàn kinh tế nói chung, TĐTC-NH nói riêng. Tất nhiên, ở mỗi ngành, lĩnh vực mô hình tổ chức quản lý tập đoàn có tính đặc thù. Song, xét về tổng thể, các mô hình tổ chức quản lý tập đoàn có những điểm cơ bản. Dưới đây là 4 mô hình tổ chức quản lý tập đoàn điển hình:

**BẢNG 3: Mô hình tổ chức quản lý của tập đoàn kinh tế ở một số nước**



Các mô hình tổ chức quản lý trên vận hành và phát triển theo nguyên tắc cốt lõi của nền

kinh tế thị trường: tự do cạnh tranh; thực hiện đa sở hữu gắn với các lợi ích: lợi ích chủ

đầu tư, lợi ích quốc gia, lợi ích người lao động. Sự điều tiết và quản lý của Nhà nước mang tính định hướng, dẫn dắt tập đoàn kinh tế có mục đích ở một số ngành nhất định. Các mô hình tổ chức quản trị và điều hành trên không phải là mẫu hình cứng nhắc, không thay đổi. Trái lại, khi cơ chế, môi trường thay đổi thì mô hình tổ chức quản lý tập đoàn có sự điều chỉnh linh hoạt và phù hợp cho hiệu quả hơn, chẳng hạn mô hình tổ chức quản lý của Mỹ luôn có sự học hỏi kinh nghiệm của Nhật Bản và ngược lại.

Ở nước ta, khi xây dựng TĐTC-NH cần và có thể phải khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm tổ chức quản lý ở các nước. Tuy nhiên, không rập khuôn một cách máy móc bất cứ một mô hình tổ chức quản lý nào mà phải chủ động, linh hoạt với hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Để xây dựng TĐTC-NH mạnh cần thiết phải phân chia thành các giai đoạn: thử nghiệm, phát triển và hội nhập.

### **3. Xác định rõ vai trò của Nhà nước trong sự hình thành và phát triển của TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam**

Đối với các quốc gia phát triển, do tiềm lực tài chính, khoa học - công nghệ, nhân lực, thị trường, thương hiệu... của các TĐTC-NH mạnh, chủ yếu là các tập đoàn xuyên quốc gia, nên Chính phủ chỉ định hướng phát triển theo những lĩnh vực then chốt, thông qua cơ chế, chính sách và luật pháp. Ở nước ta, TĐTC-NH (nếu được hình thành) trên nền tảng của một đất nước nghèo và đang phát triển; bản thân ngành ngân hàng - cái nôi của TĐTC-NH chưa có thực lực mạnh về vốn, công nghệ, thị trường, thương hiệu... Do đó, vai trò "bà đỡ" của Nhà nước sẽ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự hình thành và phát triển TĐTC-NH chủ yếu trên các mặt.

- Hỗ trợ về tài chính để hình thành, phát triển tập đoàn.

- Xây dựng, đổi mới và hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy sự lớn mạnh của TĐTC-NH, đảm bảo mục tiêu chủ động hội nhập trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

Tuy nhiên, cần xác định rất rõ sự can thiệp của Chính phủ chỉ mang tính chất hỗ trợ trong giai đoạn, khởi đầu thành lập, ổn định để phát triển TĐTC-NH. Bản thân tập đoàn cụ thể là công ty mẹ và các công ty con phải tích cực, chủ động để phát triển. Công ty mẹ phải không ngừng vươn lên làm chủ hoạt động kinh doanh, chi phối các công ty con thông qua tiềm lực tài chính; khoa học - công nghệ, đăng cấp thương hiệu; thị phần, thị trường... Các công ty con chủ động trong hoạt động kinh doanh thể hiện rõ ở việc nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng - ngân hàng, chấp nhận sự chi phối của công ty mẹ, cũng thực hiện mục tiêu lợi nhuận và sự lớn mạnh không ngừng của cả tập đoàn.

### **4. Thúc đẩy mối quan hệ bền chặt giữa Chính phủ, bộ, ngành hướng tới mục tiêu xây dựng TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam**

Trên thực tế, các mối quan hệ của Chính phủ, các bộ, ngành đã có sự phối hợp để thực hiện các mục tiêu phát triển, trong đó có mục tiêu phát triển TĐTC-NH. Tuy nhiên, sự phối hợp đó chưa thật chặt chẽ. Do đó trong thời gian tới cần phải đẩy mạnh, gắn kết chặt chẽ, có phân công trách nhiệm cụ thể, rành mạch; rõ ràng đối với các bộ, ngành có liên quan, nhất là các bộ: Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp... trong chiến lược xây dựng TĐTC-NH mạnh ở Việt Nam./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. C.Mác - Ph.Ăngghen toàn tập, T 4 Nxb CTQG, H. 1995.
2. C.Mác: Tư bản, quyển 1, T.3, Nxb Sự thật, H.1975.
3. Nguyễn Đại Lai. Ngân hàng Việt Nam hội nhập thách thức và tiếp tục cải cách, H. 2006.
4. Lê Văn Sang - Trần Quang Lâm. Các công ty xuyên quốc gia (TNCs) trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, Nxb khoa học - xã hội, H.1996.
5. Tài liệu hội thảo. "Những thách thức của NHTMVN trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế" - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Công thương, Viện Nghiên cứu khoa học ngân hàng và Vụ Chiến lược phát triển ngân hàng. H.2003.
6. Vũ Huy Từ. Mô hình Tập đoàn kinh tế trong CNH, HĐH. Nxb CTQG, H. 2002.
7. Tạp chí NCKT số 315, tháng 8-2004. số 329, tháng 10-2005. số 367, tháng 6-2006.
8. Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 10 (90)/2003, số 11 (103)/2004, số 11 (115)/2005.